TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ CỪ **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/KDTM-ST
Ngày 31/10/2018

"V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ CỪ - TỈNH HƯNG YÊN

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Phượng;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Hoài Thanh; 2. Ông Tô Sỹ Thái.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Thu Huyền, Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Phù Cừ;

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện tham gia phiên tòa*: Bà Lê Thị Huyền, Kiểm sát viên;

Ngày 31/10/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Cừ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2018/TLST-KDTM ngày 05/6/2018 về "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2018/QĐXXST-KDTM ngày 04/9/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP C;

Địa chỉ: Số 108 T, quận K, Thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T1, Chức vụ - Chủ tịch Hội đồng quản trị;

Người đại diện theo ủy quyền của ông T1: Ông Phạm Văn T2 - Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Hưng Yên (Văn bản ủy quyền số 979/UQ-HĐQT-NHCT18 ngày 20/10/2017 của Ngân hàng TMCP C); Có mặt.

Địa chỉ: Số 01 Đ, phường L, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên;

2. *Bị đơn*:

- Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1966; vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1969; vắng mặt.

Đều cùng địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và lời khai của đại diện nguyên đơn - ông Phạm Văn T2 trình bày:

Ngày 05/11/2014, Ngân hàng TMCP C Chi nhánh Hưng Yên - Phòng giao dịch huyện Phù Cừ (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) và vợ chồng ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị H đã ký hợp đồng tín dụng số 244/2014/HĐTD/ NHCT342, Ngân hàng cho vợ chồng ông C, bà H vay vốn số tiền 250.000.000 đồng, thời hạn vay là 11 tháng (từ ngày 05/11/2014 đến hết ngày 05/10/2015), lãi suất vay 10%/1 năm, mục đích để chăn nuôi lợn. Để đảm bảo cho khoản vay trên, ngày 04/11/2014, vợ chồng ông C, bà H đã ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 244 đối với thửa đất số 7 tờ bản đồ số 11 tại thôn H, xã T, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên có diện tích 261,3m^2 (đăng ký giao dịch tài sản bảo đảm ngày 05/11/2014). Ngày 05/11/2014, Ngân hàng đã giải ngân cho vợ chồng ông C, bà H số tiền 250.000.000 đồng. Tính đến hết ngày 06/9/2015, vợ chồng ông C, bà H đã trả cho Ngân hàng 19.098.000 đồng tiền lãi. Đến thời hạn trả nợ vợ chồng ông C, bà H không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng cũng nhiều lần đôn đốc vợ chồng ông C, bà H thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng ông bà không trả nợ gốc và nợ lãi theo thỏa thuận. Vì vậy, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Phù Cừ buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền tạm tính đến ngày 15/5/2018 là 351.214.841 đồng, trong đó: nợ gốc là 250.000.000 đồng, tiền nợ lãi trong hạn là 68.124.667 đồng, tiền lãi phạt quá hạn là 33.090.174 đồng. Ông C, bà H còn phải tiếp tục trả tiền nợ lãi, lãi phạt và các loại phí khác theo Hợp đồng tín dụng cho đến khi trả hết nợ gốc.

Tại phiên tòa:

+ Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 250.000.000 đồng và số tiền lãi trong hạn và lãi phạt nợ gốc quá hạn tính đến hết ngày 31/10/2018 là 118.923.612 đồng. Tính đến ngày 08/9/2015, bên vay đã trả lãi và Ngân hàng đã nhận là 21.250.000 đồng. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tự nguyện không yêu cầu bị đơn chịu lãi phạt chậm trả lãi theo điểm c mục 2.02 Điều 2 Hợp đồng tín dụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện phát biểu ý kiến, quan điểm giải quyết:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 281, các Điều 290, 471, 474, 476, 342, 343, 350 của Bộ luật dân sự 2005; các Điều 688, 40, 357, 277 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 12 của Luật Ngân hàng nhà nước; Điều 91 của Luật Các

tổ chức tín dụng; điểm e khoản 1 Điều 192, Điều 228, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 3, 6, khoản 2 Điều 26, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn; bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đương sự,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Phù Cừ nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tại đơn khởi kiện nguyên đơn đã ghi đúng địa chỉ của bị đơn, Ủy ban nhân dân xã Tiên Tiến cung cấp hiện nay ông C, bà H vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn H, xã T, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên. Việc ông C, bà H đi khỏi địa phương không thông báo thay đổi nơi cư trú cho Ngân hàng nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ và cố tình giấu địa chỉ vì vậy Tòa án nhân dân huyện Phù Cừ thụ lý giải quyết theo thủ tục chung theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Phù Cừ tống đạt hợp lệ, niêm yết các văn bản tố tụng đúng quy định nhưng ông C, bà H vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do chính đáng vì vậy Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông C, bà H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 05/11/2014, Ngân hàng TMCP C Chi nhánh Hưng Yên - Phòng Giao dịch Phù Cừ và ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị H ký hợp đồng tín dụng số 244/2014-HĐTD/NHCT342; theo đó ông C, bà H vay số tiền 250.000.000 đồng, mục đích vay để thanh toán các chi phí hợp pháp, hợp lệ trong việc chăn nuôi lợn; thời hạn cho vay là 11 tháng; lãi suất là 10%/năm, lãi suất được điều chỉnh hàng tháng. Ngày 05/11/2014, Ngân hàng đã giải ngân cho ông C, bà H số tiền 250.000.000 đồng. Tính đến hết ngày 08/9/2015, vợ chồng ông C, bà H đã trả cho Ngân hàng 21.250.000 đồng tiền lãi. Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng và ông C, bà H được các bên ký kết đúng quy định của pháp luật vì vậy hợp đồng tín dụng số 244/2014-HĐTD/NHCT342 ngày 05/11/2014 là hợp pháp. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông C, bà H thực hiện nghĩa vụ trả nợ là đúng quy định của pháp luật; Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc ông C, bà H phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng các khoản tiền nợ gốc, nợ lãi, cụ thể như sau:

- Về khoản nợ gốc: 250.000.000 đồng;

- Về khoản tiền lãi trong hạn (kể từ ngày 07/9/2015 đến hết ngày 31/10/2018 là 1.151 ngày) là: (250.000.000 đồng x 1.151 ngày x 10% : 360) = 79.930.555 đồng.

- Về khoản tiền lãi quá hạn (kể từ ngày 06/10/2015 đến hết ngày 31/10/2018 là 1.122 ngày) là: (250.000.000 đồng x 1.122 ngày x 5% : 360) = 38.958.333 đồng.

(Phương thức tính lãi theo thỏa thuận tại điểm a, b mục 2.02 Điều 2 Hợp đồng tín dụng)

Tổng số tiền ông C, bà H phải trả cho Ngân hàng tính đến hết ngày 31/10/2018 là: 250.000.000 + 79.930.555 + 38.958.333 = 368.888.888 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông C, bà H phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP C theo nội dung Án lệ 08/2016/AL thông qua ngày 17/10/2016.

[3]. Về việc đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không yêu cầu bị đơn chịu lãi suất phạt chậm trả lãi theo điểm d mục 2.01 Điều 2 Hợp đồng tín dụng là tự nguyện, không ảnh hưởng đến nghĩa vụ của bị đơn nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về hợp đồng thế chấp: Ngày 04/11/2014 Ngân hàng TMCP C Chi nhánh Hưng Yên - Phòng giao dịch Phù Cừ và ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị H ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở số 244-2014/HĐTC/V-CH được Công chứng tại Văn phòng Công chứng Khoái Châu và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Phù Cừ. Theo đó ông C, bà H thế chấp cho Ngân hàng quyền sử dụng thửa đất số 07 tờ bản đồ số 11 có diện tích 261,3m^2 và tài sản trên đất là ngôi nhà một tầng có diện tích 100m^2 tại thôn H, xã T, huyện Phù Cừ. Các bên ký hợp đồng đúng chủ thể, đúng hình thức vì vậy hợp đồng thế chấp là hợp pháp.

Ngày 24/8/2018, Tòa án nhân dân huyện Phù Cừ tiến hành xem xét, thẩm định tại tại chỗ thửa đất số 07 tờ bản đồ số 11 tại thôn H, xã T, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên xác định hiện trạng, vị trí thửa đất không có sự thay đổi so với thời điểm thế chấp.

Trong trường hợp ông C, bà H không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Phù Cừ xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật. Trong trường hợp tiền bán tài sản thế chấp còn thừa thì phải trả lại cho bên thế chấp; nếu tiền bán còn thiếu thì bên thế chấp phải trả tiếp phần còn thiếu đó.

[5]. Về án phí và chi phí tố tụng: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 471, 474, 476, 342, 351, 720, 721 của Bộ luật Dân sự 2005; Điều 688 của Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; các Điều 27, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm e khoản 1 Điều 192, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Án lệ số 08/2016/AL thông qua ngày 17/10/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP C. Buộc ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị H phải trả cho Ngân hàng TMCP C số tiền 368.888.888 đồng *(Ba trăm sáu tám triệu, tám trăm tám mươi tám nghìn, tám trăm tám mươi tám đồng).* Trong đó, nợ gốc là 250.000.000 đồng, lãi trong hạn là 79.930.555 đồng và lãi quá hạn là 38.958.333 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông C, bà H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Lãi suất được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP C.

2. Về xử lý tài sản thế chấp: Trong trường hợp ông C, bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc, nợ lãi cho Ngân hàng TMCP C thì Ngân hàng TMCP C có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 244-2014/HĐTC/V-CH ngày 04/11/2014 đối với quyền sử dụng thửa đất số 07 tờ bản đồ số 11 tại thôn H, xã T, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên và các tài sản trên đất theo nội dung Hợp đồng thế chấp.

3. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị H phải chịu 18.444.444 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả Ngân hàng TMCP C số tiền 8.700.000 đồng do ông Phạm Văn T2 đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 005612 ngày 05/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Cừ.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, người có mặt tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, người vắng mặt tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Phù Cừ;
- Chi cục THADS huyện Phù Cừ;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Duy Phượng